

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/HS-ST

Ngày 23- 4- 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S – TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thuật;

Bà Đinh Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Sầm Thị Thao - Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn T - Kiểm sát viên.

Ngày 23/4/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Bắc Giang, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 11/2024/TLST-HS ngày 02/4/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST-HS ngày 02/4/2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn N, sinh năm 1999 tại **huyện S, tỉnh Bắc Giang** (bị cáo có mặt tại phiên tòa);

Nơi cư trú: **Thôn H, xã L, huyện S, tỉnh Bắc Giang**; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1968 và bà **Hoàng Thị L**, sinh năm 1972, vợ: **Triệu Thị V**, sinh năm 2001 (đăng ký kết hôn ngày 20/3/2024), con: chưa có.

Tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 129/2021/HSST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh xử phạt **Nguyễn Văn N** 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội

“Trộm cắp tài sản”.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

- Bị hại: Công ty TNHH C – Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1986 (vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Ngọc Văn T1, sinh năm 1989 (vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

2. Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1992 (vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau: Khoảng 23 giờ ngày 21/11/2023, N đi bộ theo đường mòn xuống bờ sông cạnh Công ty TNHH C (Sau đây viết là Công ty) rồi trèo qua hàng rào vào bên trong Công ty M để trộm cắp tài sản. Khi N đi đến khu vực nhà kho cơ điện của Công ty, nhà kho không khóa, N đi vào, quan sát thấy trên kệ kê sát tường (bên phải từ cửa vào) có 01 máy siết bulong cầm tay nhãn hiệu Mikata, 02 quả pin và 01 bộ sạc pin của máy siết bulong. Nghiệp bê các tài sản này để xuống dưới nền nhà. Nghiệp tiếp tục tìm kiếm thì thấy trên kệ kê sát tường (bên tay trái từ cửa vào) có 01 cuộn dây điện mới, còn bọc nilon, nhãn hiệu Cadisun, loại 2 x 2,5mm, dài 100m nên lấy để xuống nền nhà cùng các tài sản khác. Nghiệp quan sát thấy cửa ra vào nhà kho có gắn 01 camera giám sát, nhãn hiệu Ezviz nên dùng tua vít tháo camera xuống để trên nền nhà. Sau đó N cho toàn bộ số tài sản nêu trên vào 01 bao đựng thức ăn chăn nuôi rồi mang đi cất giấu rồi về nhà ngủ.

Khoảng 09 giờ ngày 22/11/2023, N điều khiển xe mô tô BKS 30Z2- 2851 đến vị trí cất giấu tài sản trộm cắp được và lấy 01 camera, 01 máy siết bulong, 02 pin và bộ sạc pin của máy siết bulong đến bán cho anh Nguyễn Văn P được 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng). Do N nợ anh P 1.100.000 đồng (một triệu một trăm nghìn đồng) tiền sửa chữa xe mô tô nên anh P đã trừ nợ số tiền này. Nghiệp quay lại lấy cuộn dây điện bán cho anh Ngọc Văn T1 được 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng) và chi tiêu hết.

Ngày 12/12/2023 Công ty TNHH C trình báo Công an xã L, huyện S. Công an xã L chuyển vụ việc đến Công an huyện S để giải quyết theo thẩm quyền.

Cơ quan điều tra thu giữ của anh Nguyễn Văn P 01 camera nhãn hiệu Ezviz; 01 máy siết bulong, 02 quả pin, 01 bộ sạc pin của máy siết bulong, thu giữ của anh Ngọc Văn T1 01 cuộn dây điện nhãn hiệu Cadisun, loại 2x 2,5mm, dài 100m, yêu cầu định giá các tài sản nêu trên và triệu tập Nguyễn Văn N để tiến hành điều tra theo quy định.

Tại Kết luận định giá tài sản số 41 ngày 25/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện S kết luận:

- 01 máy siết Bulong nhãn hiệu Makiata, loại DTW285Z 18V dùng pin đã qua sử dụng trị giá 5.633.000 đồng (năm triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn đồng);
- 02 quả bin máy siết Bulong nhãn hiệu Makita, loại 18V, 4.0Ah, 72Wh đã qua sử dụng trị giá 1.180.000 đồng (một triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).
- 01 sạc pin máy siết Bulong nhãn hiệu Makiata, loại DC18RC, loại 220V-240V ~ 240WW, 50-60Hz, 7.2V-9A đã qua sử dụng trị giá 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng);
- 01 Camera giám sát, nhãn hiệu Ezviz 12V-1A đã qua sử dụng trị giá 850.000 đồng (tám trăm năm mươi nghìn đồng);
- Cuộn dây điện nhãn hiệu Cadisun, loại 2 x 2,5mm, dài 100m, chưa qua sử dụng trị giá 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng).

Tổng trị giá tài sản là 9.633.000 đồng (chín triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp các tài sản nêu trên của Công ty TNHH C.

Bản cáo trạng số 12/CT-VKS ngày 01/4/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện SS, tỉnh Bắc Giang truy tố Nguyễn Văn Nghiệp về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S trình bày luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo N và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14.

- Xử phạt Nguyễn Văn N từ 08 đến 10 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S còn đề nghị về án phí, quyền kháng cáo.

Sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S luận tội, bị cáo không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tiến hành các hành vi tố tụng hợp pháp, bản thân bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì về hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên.

Việc vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng Hình sự.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, qua xét hỏi, bị cáo Nguyễn Văn N khai nhận: Khoảng 23 giờ ngày 21/11/2023 bị cáo trèo tường, đột nhập vào Công ty TNHH C trộm cắp 01 máy siết Bulong, 02 quả pin máy siết Bulong; 01 sạc pin máy siết B1, 01 Camera giám sát, 01 cuộn dây điện. Sau đó N mang máy siết B1, 02 quả pin, 01 sạc pin, 01 Camera giám sát bán cho anh P được 600.000đồng (sáu trăm nghìn đồng); bán cuộn dây điện cho anh T1 được 800.000đồng (tám trăm nghìn đồng) như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động truy tố là đúng. Bị cáo không kêu oan.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra (bút lục số 131,132,133,138,139), phù hợp về thời gian, địa điểm, phương thức thực hiện tội phạm, vật chứng thu giữ được (bút lục 116,117,118,119) và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Kết luận định giá tài sản xác định: Tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp của Công ty TNHH C là 9.633.000 đồng (Chín triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn đồng). Do vậy có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận, bị cáo Nguyễn văn N1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Bản cáo trạng số 12/CT-VKS ngày 01/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản, là khách thể được luật hình sự bảo vệ. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, động cơ, mục đích bán tài sản trộm cắp được bán lấy tiền chi tiêu cá nhân, vì vậy cần có bản án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

[3] Xét về nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo là người đã có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nhưng bị cáo vẫn tiếp tục phạm tội do cố ý. Bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, trước khi xét xử, bị cáo đã tự nguyện nộp trước tiền phải thi hành án đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo hình phạt tù giam để cải tạo bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội. Bị cáo không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ 01 máy siết Bulong, 02 quả bin máy siết Bulong, 01 Sạc pin máy siết B1, 01 Camera giám sát, 01 cuộn dây điện nhãn là tài sản của Công ty TNHH C. Các tài sản nêu trên đã được trả lại cho Công ty TNHH C (bút lục 84-87). Việc xử lý vật chứng của cơ quan điều tra là đúng quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Chiếc xe mô tô BKS 30Z2-2851 là tài sản của N1 sử dụng để vận chuyển tài sản trộm cắp đi bán. Sau đó N1 đã bán cho người không quen biết nên không thu giữ được, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Trong vụ án này, anh A Ngọc Văn T1, anh Nguyễn Văn P là người mua tài sản do N1 trộm cắp nhưng anh T1, anh P không biết những tài sản Nghiệp bán là tài sản trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xem xét xử lý anh T1, anh P.

[5] Về Trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại toàn bộ số tài sản bị trộm cắp, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được bị cáo hoàn lại số tiền mua bán tài sản, không có ai yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Án phí, quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Điều 135, Điều 136, Điều 292, khoản 1, khoản 4 Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

1. Xử phạt: **Nguyễn Văn N** 10 (mười) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Án phí: Bị cáo **N** phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền bị cáo đã nộp trước theo biên lai số 0000763 ngày 23/4/2024 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Bắc Giang thu. Xác nhận bị cáo đã nộp đủ tiền án phí.

3. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện S;
- Công an huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLVN liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Thạo

